

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT BÌNH AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 189 /QĐ-THPTBA

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai số liệu thu chi năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT BÌNH AN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ- CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ số liệu thu chi ngân sách năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2025 (Kèm theo biểu số 3 và báo cáo tình hình thực hiện dự toán năm 2025)

Điều 2. Bộ phận tài chính theo dõi và thực hiện theo quyết định đã ban hành.

Điều 3. Ban giám hiệu Trường THPT Bình An và các bộ phận có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Công khai toàn thể HĐSP;
- Lưu: VT.



Võ Huỳnh Ngọc Vân

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

TRƯỜNG THPT BÌNH AN

Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đĩ An , ngày 20 tháng 01 Năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NĂM 2025

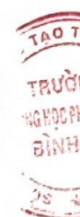
Biên chế được giao năm 2025: 77 (Biên chế 69, Hợp đồng 111: 8)

Biên chế thực hiện đến 30/06/2025: 75 (biên chế 69, hợp đồng 111: 6)

ĐV tính: đồng

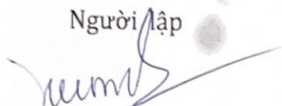
Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện dự toán đến năm 2025	Dự toán còn lại	Tỷ lệ % KP thực hiện/ Dự toán
1	2	3	4	5	6
A	Kinh phí năm trước chuyển sang	27.794.005	-	27.794.005	
	Kinh phí thường xuyên	27.794.005		27.794.005	
1	Nguồn 13	27.794.005		27.794.005	
2	Nguồn 14			-	
B	Dự toán năm nay	22.956.919.508	23.345.870.557	264.883.951	102%
I	Kinh phí chi thường xuyên	14.521.844.004	14.521.844.004	-	100%
I.1	Nguồn 13	14.521.844.004	14.521.844.004	-	100%
1	Chi cho con người		12.491.368.978		
1.1	Lương		6.864.063.171		
1.2	Lương hợp đồng		402.015.945		
1.3	Phụ cấp lương		3.149.273.115		
1.4	Các khoản đóng góp		1.953.560.996		
1.5	Tăng thu nhập		122.455.751		
1.6	Phụ cấp ngoài trời				
2	Chi cho công việc		2.030.475.026		
2.1	Phúc lợi tập thể: Tiền nước				
2.2	Các khoản thanh toán cá nhân (Tiền ngoài trời GVTD.QP)		98.849.170		
2.3	Thanh toán dịch vụ công cộng: Tiền điện, vệ sinh môi trường		212.441.064		
2.4	Vật tư văn phòng: khoản VPP, vật tư văn phòng khác		335.625.142		
2.5	Thông tin tuyên truyền liên lạc		32.054.320		
2.6	Công tác phí		61.210.000		
2.7	Thuê mướn: nhân viên phục vụ, thuê mướn khác		182.170.000		
2.8	Sửa chữa:		679.496.290		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện dự toán đến năm 2025	Dự toán còn lại	Tỷ lệ % KP thực hiện/ Dự toán
2.9	Mua sắm		19.030.000		
2.10	Nghệp vụ chuyên môn		409.599.040		
2	Kinh phí tiết kiệm	-		-	0%
1.2	Nguồn 14			-	0%
1.1	Lương				
1.2	Phụ cấp lương				
1.3	Các khoản đóng góp				
1.4	Chi lương hưu trước tuổi theo				
II	Kinh phí chi không thường xuyên	8.435.075.504	8.170.191.553	264.883.951	97%
1	Chi cho con người		7.507.691.323		
	Chi thêm giờ, tăng thu nhập quý, khen thưởng		7.102.041.214		
	Chi các khoản thanh toán cá nhân (hỗ trợ ngoài khoán) theo NQ 05/2019/NQ-HĐND và NQ 07/2019/NQ-HĐND		405.650.109		
2	Chi cho công việc		662.500.230		
	Chi thuê đào tạo, thuê xe, phòng thi đấu TDTT		119.860.000		
	Chi mua công cụ dụng cụ		118.254.150		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn: Bồi dưỡng HSG, KP thi THPT, TS10,		424.386.080		
III	Nguồn hoạt động khác được để lại	653.835.000	653.835.000	-	100%
III.1	Học phí	574.800.000	574.800.000	-	100%
	Thu từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2025	574.800.000			
1	Chi cho con người		143.308.661		
1.1	Lương và phụ cấp		19.617.042		
1.2	Các khoản đóng góp		4.672.044		
1.3	Lương và BH cho nhân viên hợp đồng		119.019.575		
2	Chi cho công việc		431.491.339		
2.1	Tiền tết 2025 (76 người)		152.000.000		
2.2	Chi khác		279.491.339		
III.2	Phí vệ sinh	79.035.000	79.035.000	-	100%
	Thu phí vệ sinh từ T1 -> T5 năm 2025	79.035.000	79.035.000		
	Lương cho nhân viên vệ sinh và dụng cụ vệ sinh	77.247.520	77.247.520		
	Thuế	1.576.480	1.576.480		
	Tồn 2024	-		-	



Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện dự toán đến năm 2025	Dự toán còn lại	Tỷ lệ % KP thực hiện/ Dự toán
	<i>Chi cho con người</i>		-		
	Lương cho nhân viên vệ sinh 3 người				
	Thuế				
III.3	Hoạt động tài chính	-	-	-	
		-		-	

Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Hương



Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Võ Huỳnh Ngọc Vân

